

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 26-7-2021

V/v tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thị Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Đoàn Hồng Canh**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Anh Xuân Ngọc** là Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông **Hoàng Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2021. Tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị H**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Đinh Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện kết hôn với nhau ngày 25/6/1999, đăng ký tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó cho đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, cách suy nghĩ. Đến nay chị xác định tình cảm không còn nên chị đề nghị ly hôn anh V.

- Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh

ngày 11/9/1997 và cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 03/2/2004. Hiện nay cháu N đã thành niên có gia đình và cuộc sống riêng nên chị không có đề nghị gì; còn cháu T hiện tại đang ở với anh V. Khi ly hôn chị đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu; nếu cháu ở với ai thì bên kia không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo bị đơn là anh Nguyễn Ngọc V trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định thủ tục kết hôn như chị H trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng là do chị H đi theo người đàn ông khác. Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung đúng như chị H đã trình bày. Hiện nay cháu N đã có gia đình riêng nên anh không có đề nghị gì. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu T, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: Anh V không đề nghị giải quyết.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa (Có bài phát biểu lưu trong hồ sơ):***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H: Xử lý cho chị H được ly hôn anh V; Về con chung: Giao cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu T. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này;

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Chị H và anh V do điều kiện bận công việc làm ăn nên chị H và anh V đều đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh V vào năm 1999, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm không còn, chị đề nghị được ly hôn. Anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng là do chị H đã đi theo người đàn ông khác, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm. Trong quá trình giải quyết anh V không đồng ý ly hôn chị H; nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 23/7/2021 anh V xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị H kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh V và chị H đã trầm trọng, đời sống chung trong thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh V là phù hợp.

[2] Xét về con chung: Anh V và chị H có 02 con chung là Nguyễn Phương N, sinh ngày 11/9/1997 và cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 03/2/2004. Hiện nay cháu N đã thành niên nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Đối với cháu T hiện đang ở với anh V. Khi ly hôn chị H đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu, anh V đề nghị được nuôi cháu T. Qua lời khai thì cháu T có nguyện vọng được ở với bố. Do đó HĐXX cần giao cháu T cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V không yêu cầu là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị H và anh V không đề nghị Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

* Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị H được ly hôn anh Nguyễn Ngọc V.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 03/2/2004; kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu thành niên.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, về nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này do các bên không yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000742 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng